

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	9 - 13
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	19 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 24 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên, trong đó Giấy phép điều chỉnh lần thứ 24 số 41A/GPĐC24/KDBH ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 772 4466
- Fax : 0243 772 4460
- Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa tháp Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6	Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	Lô B94, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3 TP.Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 106 Hồng Quang, P.Quang Trung, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đức	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Tầng 2, Cao ốc Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xí, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đồng Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Lai	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Trảng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sù Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 1, đường Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
43 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình	Tầng 5, số 355 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
44 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hà Nội	Tầng 2, nhà nổi số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
45 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hồ Chí Minh	Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
46 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên	Tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
47 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
48 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thời đại số	Tầng 3, tòa nhà Comatce Tower, số 61 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
49 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Định	Tầng 3, tòa nhà Sun Village, Số 31-33 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Ông Kim Kang Wook	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Ko Young Joo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Park Je Kwang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ông Park Suk Gon	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Park Ki Hyun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Bae Taeg Soo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Kim Lân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2019
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

Ngày 18 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0469/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 09 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2020-008-1

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		6.593.326.480.620	5.031.364.159.280
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	117.595.429.206	122.447.618.654
1. Tiền	111		117.595.429.206	122.447.618.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.149.216.833.594	2.763.903.711.798
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	514.695.503.218	599.508.668.818
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(137.506.487.068)	(76.375.920.784)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.772.027.817.444	2.240.770.963.764
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		930.074.093.763	812.574.066.806
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	608.316.325.735	540.132.640.419
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		608.316.325.735	540.132.640.419
1.2 Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	86.119.412.655	132.845.628.635
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	280.850.485.344	197.672.464.560
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(45.212.129.971)	(58.076.666.808)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		14.675.443.109	2.950.659.956
1. Hàng tồn kho	141	V.7	14.675.443.109	2.950.659.956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		398.369.819.948	249.584.522.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	392.546.075.678	233.818.982.495
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		392.345.860.078	233.777.609.509
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		200.215.600	41.372.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.360.569.105	4.267.605.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	463.175.165	11.497.934.712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	V.23b	1.983.394.861.000	1.079.903.579.324
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		1.373.748.583.697	732.477.619.828
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		609.646.277.303	347.425.959.496

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		943.266.793.833	1.016.416.752.906
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		22.348.255.844	18.781.477.023
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.5b	22.348.255.844	18.781.477.023
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		10.280.000.000	10.280.000.000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		12.068.255.844	8.501.477.023
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		79.202.700.302	79.772.791.835
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	70.878.065.174	71.200.256.723
Nguyên giá		222		160.348.955.093	149.336.289.198
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(89.470.889.919)	(78.136.032.475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	8.324.635.128	8.572.535.112
Nguyên giá		228		18.510.592.486	16.515.092.486
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(10.185.957.358)	(7.942.557.374)
III. Bất động sản đầu tư		230	V.12	134.269.251.437	114.494.403.529
Nguyên giá		231		145.709.389.296	122.642.128.702
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(11.440.137.859)	(8.147.725.173)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		10.956.459.398	8.327.322.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.13	10.956.459.398	8.327.322.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		664.206.971.811	759.994.764.850
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.2c	119.700.000.000	31.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	V.2c	34.444.900.000	122.644.900.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	V.2c	96.373.299.985	155.759.412.685
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	V.2d	(49.148.780.635)	(86.649.020.878)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	V.2b	462.837.552.461	536.739.473.043
VI. Tài sản dài hạn khác		260		32.283.155.041	35.045.993.669
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.8b	32.283.155.041	35.045.993.669
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		7.536.593.274.453	6.047.780.912.186

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.687.729.188.318	4.243.486.345.251
I. Nợ ngắn hạn	310		5.686.408.522.732	4.241.984.902.865
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	526.856.363.235	502.351.802.968
1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		500.572.000.572	495.355.369.813
1.2 Phải trả khác cho người bán	311.2		26.284.362.663	6.996.433.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	6.605.563.922	10.264.056.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	49.831.648.649	28.309.392.070
4. Phải trả người lao động	314		60.778.961.612	6.416.542.676
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	13.249.275.558	4.161.366.528
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1	V.18	118.777.075.565	102.451.079.528
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2	V.19	293.161.262.536	155.855.656.519
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	96.269.273.512	101.645.833.066
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	-	120.860.329.602
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	95.000.000.000	70.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
15. Dự phòng nghiệp vụ	329		4.425.879.098.143	3.139.668.843.294
15.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	V.23a	3.160.260.976.999	2.144.592.205.609
15.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	V.23a	1.161.842.936.713	896.915.750.913
15.3 Dự phòng dao động lớn	329.3	V.23c	103.775.184.431	98.160.886.772
II. Nợ dài hạn	330		1.320.665.586	1.501.442.386
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	1.320.665.586	1.501.442.386
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.848.864.086.135	1.804.294.566.935
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.24	1.848.864.086.135	1.804.294.566.935
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		827.943.052.804	827.943.052.804
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		22.414.190.857	22.230.714.262
9. Quỹ dự trữ bắt buộc		419		55.402.458.511	49.884.763.553
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		139.147.293.963	100.278.946.316
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		34.311.089.759	100.278.946.316
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		104.836.204.204	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		7.536.593.274.453	6.047.780.912.186

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		207.619.235.541	213.376.854.353
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		347.266,52	10.715,45
Euro (EUR)		28.156,27	28.167,19
Bảng Anh (£)		328,03	334,63

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		4.310.237.987.970	3.377.065.124.664
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.5	30.856.584.213	6.957.098.394
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.7	188.707.907.282	175.732.951.411
4. Thu nhập khác	13		2.664.187.726	2.990.969.699
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		3.635.150.320.660	2.785.765.875.316
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2		-	-
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	14.090.977.378	3.662.574.903
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.8	131.625.050.421	161.049.000.865
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.9	616.047.665.382	585.685.326.149
9. Chi phí khác	24		1.941.029.717	2.294.938.512
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20.1-20.2-21-22-23.1-23.2-24)	50.2		133.611.623.633	24.288.428.423
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	23.257.724.471	5.940.768.888
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>110.353.899.162</u>	<u>18.347.659.535</u>
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	4.785.978.449.323	3.789.121.844.195
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		5.692.726.345.390	4.159.480.240.770
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		108.920.975.323	126.354.440.693
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		1.015.668.871.390	496.712.837.268
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.2	1.598.946.590.984	1.208.055.461.740
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		2.240.217.554.853	1.414.550.062.963
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		641.270.963.869	206.494.601.223
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		3.187.031.858.339	2.581.066.382.455
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		1.123.206.129.631	795.998.742.209
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		381.272.476.367	288.629.661.402
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		741.933.653.264	507.369.080.807
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		4.310.237.987.970	3.377.065.124.664
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11	VI.3	2.038.496.004.596	1.702.802.760.540
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		2.058.402.239.394	1.714.283.076.028
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		19.906.234.798	11.480.315.488
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	VI.3	589.960.692.386	422.479.385.543
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	VI.3	264.927.185.800	90.787.511.067
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	VI.3	262.220.317.806	43.684.603.141
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.3	1.451.242.180.204	1.327.426.282.923
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		35.614.297.659	28.712.846.185
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.4	2.148.293.842.797	1.429.626.746.208
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		514.028.551.706	400.384.268.787
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		1.634.265.291.091	1.029.242.477.421

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		3.635.150.320.660	2.785.765.875.316
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		675.087.667.310	591.299.249.348
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		-	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.5	30.856.584.213	6.957.098.394
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	14.090.977.378	3.662.574.903
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		16.765.606.835	3.294.523.491
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.7	188.707.907.282	175.732.951.411
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.8	131.625.050.421	161.049.000.865
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		57.082.856.861	14.683.950.546
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		-	-
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.9	616.047.665.382	585.685.326.149
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.2 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		132.888.465.624	23.592.397.236
23. Thu nhập khác	31		2.664.187.726	2.990.969.699
24. Chi phí khác	32		1.941.029.717	2.294.938.512
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		723.158.009	696.031.187
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		133.611.623.633	24.288.428.423
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	23.257.724.471	5.940.768.888
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		110.353.899.162	18.347.659.535
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	133.611.623.633	24.288.428.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	19.021.601.274	17.295.604.188
- Các khoản dự phòng	03	418.484.762.377	513.098.499.235
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(274.610.368.321)	(124.397.528.918)
- Chi phí lãi vay	06	8.233.306.808	8.832.258.512
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	304.740.925.771	439.117.261.441
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.016.009.671	(89.418.620.582)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.724.783.153)	677.510.049
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	230.333.654.968	183.305.282.853
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(155.964.254.555)	(64.450.473.818)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	84.813.165.600	(312.124.468.847)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.233.306.808)	(8.832.258.512)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(137.189.549)	(29.798.952.594)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	448.844.221.945	118.475.279.990
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(56.872.295.892)	(28.811.007.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	16.737.188.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.140.235.821.477)	(1.693.679.273.303)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.651.815.835.742	1.584.056.487.305
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(49.968.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	63.890.777.700	139.638.980.595
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	197.173.885.805	126.038.052.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(267.490.429.759)	77.274.640.052

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	341.067.517.531	638.085.197.941
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(461.927.847.133)	(714.369.323.339)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24c	(65.345.652.032)	(96.619.785.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(186.205.981.634)	(172.903.911.147)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.852.189.448)	22.846.008.894
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	122.447.618.654	99.601.609.760
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	117.595.429.206	122.447.618.654

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	93,63%	93,63%	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	95,32%	95,32%	95,32%

Các Công ty liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu theo cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 1 văn phòng chính, 2 văn phòng đại diện Giám định Bồi thường tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, 1 văn phòng đại diện khu vực phía Nam và 46 chi nhánh trực thuộc trong cả nước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 2.255 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.057 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy.

Tăng/giảm số dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp Tổng công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chủ yếu là Chi phí hoa hồng chưa phân bổ, Tiền thuê văn phòng, Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Toàn Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	20 - 50

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$
--	---	---	---	---	---	---	---	--

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu, chi phí

16.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm tài chính được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

16.2. Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

16.3. Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

16.4. Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.032.887.325	10.502.923.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	107.306.961.881	83.910.937.079
Tiền đang chuyển	3.255.580.000	28.033.758.000
Cộng	117.595.429.206	122.447.618.654

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Giá gốc</u>	<u>Số cuối năm</u> <u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Chứng khoán niêm yết	354.701.122.868	222.571.116.000	(137.506.487.068)	599.508.668.818	526.280.959.800	(76.375.920.784)
LPB	176.384.114.856	126.722.400.000	(57.671.626.556)	169.720.152.006	141.714.625.500	(28.005.526.506)
OIL	121.619.935.754	56.570.010.000	(62.416.494.254)	150.318.761.359	130.957.460.000	(19.361.301.359)
HUT	33.347.829.873	20.256.720.000	(13.091.109.873)	27.761.617.500	15.546.883.000	(12.214.734.500)
TDM	-	-	-	81.329.371.070	81.726.600.000	-
MBB	-	-	-	38.086.520.159	31.161.623.000	(6.924.897.159)
Các mã khác	23.349.242.385	19.021.986.000	(4.327.256.385)	132.292.246.724	125.173.768.300	(9.869.461.260)
Chứng khoán chưa niêm yết	159.994.380.350	-	-	-	-	-
ALS	60.000.000.000	-	-	-	-	-
OCB	99.994.380.350	-	-	-	-	-
Cộng	514.695.503.218	222.571.116.000	(137.506.487.068)	599.508.668.818	526.280.959.800	(76.375.920.784)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	76.375.920.784	5.688.220.092
Trích lập dự phòng bổ sung	77.924.924.703	72.211.922.861
Hoàn nhập dự phòng	(16.794.358.419)	(1.524.222.169)
Số cuối năm	137.506.487.068	76.375.920.784

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	2.772.027.817.444	-	2.240.770.963.764	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2.667.193.517.444	-	2.131.736.663.764	-
Đầu tư trái phiếu	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	4.834.300.000	-	9.034.300.000	-
Dài hạn	462.837.552.461	(7.344.000.000)	536.739.473.043	(35.577.056.197)
Tiền gửi có kỳ hạn	341.924.109.589	-	304.011.666.667	-
Đầu tư trái phiếu	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	20.913.442.872	(7.344.000.000)	132.727.806.376	(35.577.056.197)
Cộng	3.234.865.369.905	(7.344.000.000)	2.777.510.436.807	(35.577.056.197)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	119.700.000.000	(1.406.209.451)	31.500.000.000	(2.558.702.507)
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam ⁽ⁱ⁾	11.700.000.000	(1.406.209.451)	11.700.000.000	(2.558.702.507)
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	19.800.000.000	-	19.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽ⁱⁱⁱ⁾	88.200.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	34.444.900.000	-	122.644.900.000	(467.061.841)
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	88.200.000.000	(467.061.841)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ^(iv)	20.152.200.000	-	20.152.200.000	-
Công ty Cổ phần Kasati ^(v)	14.292.700.000	-	14.292.700.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	96.373.299.985	(40.398.571.184)	155.759.412.685	(48.046.200.333)
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15.000.000.000	(4.469.439.932)	15.000.000.000	(8.880.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	-	2.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	17.080.000.000	-	17.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	54.863.299.985	(35.929.131.252)	64.280.812.685	(39.166.200.333)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	49.968.600.000	-
Cộng	250.518.199.985	(41.804.780.635)	309.904.312.685	(51.071.964.681)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500600975 thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam 17.185.000.000 VND, tương đương 95,47% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn thực góp của Tổng Công ty là 11.700.000.000 VND, tương đương 93,63% số vốn điều lệ thực góp của Công ty con, không thay đổi so với số đầu năm. Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102720783 được thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần IBS Việt Nam 19.800.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký. Ngày 13 tháng 03 năm 2020, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.980.000 cổ phần tương 99% vốn điều lệ thực góp, giá khởi điểm căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103027478 ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện 88.200.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Hiện nay, các cổ đông còn lại chưa góp đủ số vốn theo cam kết vào Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện. Do đó, phần vốn góp của Tổng Công ty hiện chiếm 95,32% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 1.000.000 USD, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký là 1.000.000 USD tương đương 20.152.200.000 VND.
- (v) Tổng Công ty đã mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3% vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty sở hữu 638.090 cổ phần, chiếm 21,3% vốn của Công ty Cổ phần Kasati.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam		
Cổ tức được chia	3.594.000.000	3.827.671.233
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh bất động sản	15.824.689.500	8.917.953.600
Thu lại tiền hợp tác kinh doanh	4.330.000.000	200.000.000
Thu lãi từ hợp tác kinh doanh trong kỳ	3.849.142.061	1.429.411.765
Cổ tức được chia	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam		
Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	-	5.000.000.000
Thu lại tiền hợp tác kinh doanh	2.200.000.000	5.800.000.000
Lãi hợp tác kinh doanh	208.331.852	472.044.444
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang		
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	329.569.299.169	84.489.268.626
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	143.333.868.530	25.806.778.806
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	151.944.907.741	49.221.151.592
Thu khác hoạt động nhượng tái	27.637.834.780	5.083.355.297
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	8.466.548.558	4.796.145.965
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	2.129.067.251	1.156.822.446
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	2.677.453.481	384.031.155
<i>Cổ tức</i>		
Cổ tức được chia	985.308.960	990.773.316
Công ty Cổ phần Kasati		
Cổ tức được chia	957.135.000	1.020.944.000

2d. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.344.000.000	35.577.056.197
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.804.780.635	51.071.964.681
Cộng	49.148.780.635	86.649.020.878

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	86.649.020.878	74.466.948.396
Trích lập dự phòng bổ sung	-	13.436.191.275
Sử dụng dự phòng	(25.176.375.649)	-
Hoàn nhập dự phòng	(12.323.864.594)	(1.254.118.793)
Số cuối năm	49.148.780.635	86.649.020.878

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm gốc**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	340.234.806.699	286.910.937.615
Phải thu về tái bảo hiểm	268.081.519.036	253.221.702.804
Cộng	608.316.325.735	540.132.640.419

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	69.265.768.884	127.204.172.652
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	1.030.789.360	1.586.567.036
Trả trước cho nhà cung cấp khác	15.822.854.411	4.054.888.947
Cộng	86.119.412.655	132.845.628.635

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	205.708.692.454	133.497.262.456
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18.000.000.000	-
Phải thu lại tiền bồi thường đã thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do tòa án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Tạm ứng	13.179.655.700	14.693.637.271
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.454.728.872	4.812.714.788
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	36.893.226.564	39.054.668.291
Cộng	280.850.485.344	197.672.464.560

5b. Phải thu dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	10.280.000.000	10.280.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	12.068.255.844	8.501.477.023
Cộng	22.348.255.844	18.781.477.023

6. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	754.492.530	515.733.302
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.033.166.692	2.475.484.365
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.319.264.949	2.553.004.479
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	42.105.205.800	52.532.444.662
Cộng	45.212.129.971	58.076.666.808

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	58.076.666.808	63.881.930.903
Sử dụng dự phòng	(11.146.059.438)	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.718.477.399)	(5.805.264.095)
Số cuối năm	45.212.129.971	58.076.666.808

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.166.119.926	2.915.033.565
Công cụ, dụng cụ	446.455.942	35.626.391
Hàng hóa bất động sản	10.062.867.241	-
Cộng	14.675.443.109	2.950.659.956

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ ^(*)	392.345.860.078	233.777.609.509
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	200.215.600	41.372.986
Cộng	392.546.075.678	233.818.982.495

^(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	233.777.609.509	176.030.723.016
Số phát sinh trong năm	672.596.802.275	458.131.155.280
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(514.028.551.706)	(400.384.268.787)
Số cuối năm	392.345.860.078	233.777.609.509

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	6.219.685.369	6.881.136.004
Chi phí thuê nhà	4.293.023.339	4.208.801.190
Chi phí phát triển đại lý	397.927.853	632.444.803
Các chi phí trả trước dài hạn khác	21.372.518.480	23.323.611.672
Cộng	32.283.155.041	35.045.993.669

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	801.988	161.883.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp		10.157.186.363
Thuế thu nhập cá nhân	384.274.774	1.106.410.496
Các loại thuế khác	78.098.403	72.453.967
Cộng	463.175.165	11.497.934.712

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.536.736.730	170.730.000	104.626.411.452	29.002.411.016	149.336.289.198
Mua trong năm	-	66.540.000	7.163.885.000	6.614.048.408	13.844.473.408
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.302.122.045)	(529.685.468)	(2.831.807.513)
Số cuối năm	15.536.736.730	237.270.000	109.488.174.407	35.086.773.956	160.348.955.093
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	33.850.000	20.331.134.663	15.928.613.482	36.293.598.145
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.879.402.592	91.462.580	55.189.660.019	19.975.507.284	78.136.032.475
Khấu hao trong năm	512.677.882	31.663.960	8.441.837.938	4.064.624.517	13.050.804.297
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.186.261.385)	(529.685.468)	(1.715.946.853)
Số cuối năm	3.392.080.474	123.126.540	62.445.236.572	23.510.446.333	89.470.889.919
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.657.334.138	79.267.420	49.436.751.433	9.026.903.732	71.200.256.723
Số cuối năm	12.144.656.256	114.143.460	47.042.937.835	11.576.327.623	70.878.065.174
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.096.806.800	11.418.285.686	16.515.092.486
Mua trong năm	-	1.995.500.000	1.995.500.000
Số cuối năm	5.096.806.800	13.413.785.686	18.510.592.486
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.892.228.567	5.892.228.567
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.942.557.374	7.942.557.374
Khấu hao trong năm	-	2.243.399.984	2.243.399.984
Số cuối năm	-	10.185.957.358	10.185.957.358
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.096.806.800	3.475.728.312	8.572.535.112
Số cuối năm	5.096.806.800	3.227.828.328	8.324.635.128
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.994.763.527	115.647.365.175	122.642.128.702
Mua trong năm	-	38.403.185.086	38.403.185.086
Thanh lý nhượng bán	(6.994.763.527)	(8.341.160.965)	(15.335.924.492)
Số cuối năm	-	145.709.389.296	145.709.389.296
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	8.147.725.173	8.147.725.173
Khấu hao trong năm	-	3.727.396.993	3.727.396.993
Thanh lý nhượng bán	-	(434.984.307)	(434.984.307)
Số cuối năm	-	11.440.137.859	11.440.137.859
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.994.763.527	107.499.640.002	114.494.403.529
Số cuối năm	-	134.269.251.437	134.269.251.437

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Sàn thương mại tại Cao ốc căn hộ Thủy lợi 4	86.512.743.262	7.467.850.830	79.044.892.432
FLC Quy Nhơn	22.557.136.380	3.392.603.959	19.164.532.421
Dự án Tasco	36.639.509.654	579.683.070	36.059.826.584
Cộng	145.709.389.296	11.440.137.859	134.269.251.437

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong năm lần lượt là 14.119.395.850 VND và 5.058.473.323 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số đầu năm	8.327.322.000
Chi phí phát sinh trong năm	26.536.478.047
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(13.844.473.408)
Kết chuyển sang hàng hóa bất động sản	(10.062.867.241)
Số cuối năm (*)	10.956.459.398

(*) Là chi phí mua nhà và quyền sử dụng đất tại Văn phòng PTI Bắc Trung Bộ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	144.799.167.468	129.967.457.348
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	338.244.791.629	355.579.546.491
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	17.528.041.475	9.808.365.974
Phải trả cho nhà cung cấp khác	26.284.362.663	6.996.433.155
Cộng	526.856.363.235	502.351.802.968

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản người mua trả trước liên quan đến hoạt động bảo hiểm gốc.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	24.857.032.783	19.105.140.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.148.830.932	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.531.469.779	8.912.570.930
Các loại thuế khác	294.315.155	291.680.259
Cộng	49.831.648.649	28.309.392.070

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.105.140.881	161.883.886	184.252.627.104	(178.339.653.304)	24.857.032.783	801.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	10.157.186.363	23.443.206.844	(137.189.549)	13.148.830.932	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.912.570.930	1.106.410.496	46.402.221.201	(43.061.186.630)	11.531.469.779	384.274.774
Các loại thuế khác	291.680.259	72.453.967	1.493.743.419	(1.496.752.959)	294.315.155	78.098.403
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	423.100.000	(423.100.000)	-	-
Cộng	28.309.392.070	11.497.934.712	256.014.898.568	223.457.882.442	49.831.648.649	463.175.165

(*) Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí công ty 23.257.724.471

Thuế TNDN phải nộp thu lại của cá nhân 185.482.373

Cộng **23.443.206.844****Thuế giá trị gia tăng**

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	133.611.623.633	24.288.428.423
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.378.641.558	2.292.326.709
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.496.010.282	2.292.326.709
- Các khoản điều chỉnh giảm	(117.368.724)	-
Thu nhập chịu thuế	135.990.265.191	26.580.755.132
Thu nhập được miễn thuế	(19.701.642.838)	(17.099.413.633)
Thu nhập tính thuế	116.288.622.353	9.481.341.499
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	23.257.724.471	1.896.268.300
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	4.044.500.588
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	23.257.724.471	5.940.768.888

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí quản lý văn phòng.

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

19. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	155.855.656.519	137.118.307.828
Hoa hồng nhượng tái phát sinh trong năm	518.578.082.384	307.367.010.093
Phân bổ vào doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trong năm	(381.272.476.367)	(288.629.661.402)
Số cuối năm	293.161.262.536	155.855.656.519

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	4.725.341.220	3.131.107.988
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	580.138.788	672.133.724
Cổ tức phải trả	9.657.149.161	10.686.233.993
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.474.729.464	2.502.323.894
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	18.181.965.051	16.471.009.447
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	19.528.905.584	14.531.744.438
Quỹ khen thưởng khách hàng	2.623.473.949	1.954.669.995
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	855.136.400	3.956.266.342
Ứng trước tiền bán chứng khoán	6.663.249.226	21.634.875.493
Phải trả phải nộp khác	30.979.184.669	26.105.467.752
Cộng	96.269.273.512	101.645.833.066

20b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	-	69.722.900.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân (**)	-	39.992.100.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (***)	-	11.145.329.602
Cộng	-	120.860.329.602

(*) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất "LIBOR 3 tháng+biên độ 0,8%". Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng.

(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng thấu chi số 01/2018/2340004/HĐTC ngày 12/02/2018 để bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn vay ngắn hạn) tạm thời của đơn vị do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ; thời hạn thấu chi nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi (12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/02/2019); lãi suất 7%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi.

*** Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 5%/năm đối với khoản vay phát sinh trong năm 2017 và lãi suất 5,5%/năm đối với các khoản vay phát sinh trong năm 2018, thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố các khoản tiền gửi mở tại các tổ chức tín dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	69.722.900.000	280.060.000.000	(349.782.900.000)	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	39.992.100.000	30.001.500.000	(69.993.600.000)	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	11.145.329.602	31.006.017.531	(42.151.347.133)	-
Cộng	<u>120.860.329.602</u>	<u>341.067.517.531</u>	<u>(461.927.847.133)</u>	<u>-</u>

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng quỹ tiền lương phải chi trả trong năm 2020 đã được Chủ tịch Hội đồng tiền lương Tổng Công ty, Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Dự phòng nghiệp vụ

23a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

1. Dự phòng bồi thường⁽ⁱ⁾

Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo

2. Dự phòng phí chưa được hưởng⁽ⁱⁱ⁾

Cộng

Trong đó chi tiết:

⁽ⁱ⁾ Dự phòng bồi thường

Số đầu năm

Số trích lập trong năm

Số hoàn nhập trong năm

Số cuối năm

⁽ⁱⁱ⁾ Dự phòng phí chưa được hưởng

Số đầu năm

Số trích lập trong năm

Số hoàn nhập trong năm

Số cuối năm

Năm trước

Năm nay

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuận	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuận
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1. Dự phòng bồi thường ⁽ⁱ⁾	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.018.867.697.213	519.422.155.045	499.445.542.168	866.192.644.248	338.817.689.001	527.374.955.247
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	142.975.239.500	90.224.122.258	52.751.117.242	30.723.106.665	8.608.270.495	22.114.836.170
2. Dự phòng phí chưa được hưởng ⁽ⁱⁱ⁾	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781
Cộng	4.322.103.913.712	1.983.394.861.000	2.338.709.052.712	3.041.507.956.522	1.079.903.579.324	1.961.604.377.198
Trong đó chi tiết:						
⁽ⁱ⁾ Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417	797.519.969.351	295.133.085.860	502.386.883.491
Số trích lập trong năm	264.927.185.800	262.220.317.807	2.706.867.993	99.395.781.562	52.292.873.636	47.102.907.926
Số hoàn nhập trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417
⁽ⁱⁱ⁾ Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số đầu năm	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781	1.647.879.368.341	525.983.018.605	1.121.896.349.736
Số trích lập trong năm	1.015.668.771.390	641.270.963.869	374.397.807.521	496.712.837.268	206.494.601.223	290.218.236.045
Số hoàn nhập trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23b. Tài sản tái bảo hiểm**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>609.646.277.303</i>	<i>347.425.959.496</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	519.422.155.045	338.817.689.001
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	90.224.122.258	8.608.270.495
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>1.373.748.583.697</i>	<i>732.477.619.828</i>
Cộng	<u>1.983.394.861.000</u>	<u>1.079.903.579.324</u>

23c. Dự phòng dao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	98.160.886.772	69.448.040.587
Số trích lập thêm trong năm	35.614.297.659	28.712.846.185
Số sử dụng trong năm	(30.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>103.775.184.431</u>	<u>98.160.886.772</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	20.745.386.903	48.967.380.576	1.887.620.403.961
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.347.659.535	18.347.659.535
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.485.327.359	917.382.977	(2.402.710.336)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(96.474.850.800)	(96.474.850.800)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	(1.485.327.359)	(1.485.327.359)
Chi thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(1.485.327.359)	(1.485.327.359)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.227.991.043)	(2.227.991.043)
Số dư cuối năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	22.230.714.262	49.884.763.553	1.804.294.566.935
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	22.230.714.262	49.884.763.553	1.804.294.566.935
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	110.353.899.162	110.353.899.162
Trích lập quỹ	-	-	183.476.595	5.517.694.958	(5.701.171.553)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	(64.316.567.200)	(64.316.567.200)
Chi thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(183.476.595)	(183.476.595)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(917.382.977)	(917.382.977)
Số dư cuối năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	22.414.190.857	139.147.293.963	1.848.864.086.135

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	<u>1.631.900.142.804</u>	<u>1.631.900.142.804</u>

24c. Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức chưa trả đầu năm	10.686.233.993	10.831.168.942
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	64.316.567.200	96.474.850.800
Cổ tức đã trả trong năm	(65.345.652.032)	(96.619.785.749)
Cổ tức chưa trả cuối năm	<u>9.657.149.161</u>	<u>10.686.233.993</u>

24d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 28/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 64.316.567.200
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 183.476.595
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 183.476.595
• Chi thù lao và thưởng HĐQT và BKS	: 917.382.977
• Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	: 366.953.190

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Phí Bảo hiểm gốc	5.692.726.345.390	4.159.480.240.770
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	2.225.234.652.476	1.335.273.324.185
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	366.525.340.171	353.624.769.099
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	138.426.064.910	142.868.254.543
Bảo hiểm hàng không	35.029.804.567	11.823.685.897
Bảo hiểm xe cơ giới	2.478.432.623.712	2.001.733.622.284
Bảo hiểm cháy, nổ	326.439.265.780	192.342.611.576
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	71.611.994.098	84.364.091.016
Bảo hiểm trách nhiệm chung	43.649.079.531	37.145.056.917
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	6.606.980.602	-
Bảo hiểm nông nghiệp	770.539.543	304.825.253
Phí nhận tái bảo hiểm	108.920.975.323	126.354.440.693
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(1.015.668.871.390)	(496.712.837.268)
Doanh thu phí bảo hiểm	4.785.978.449.323	3.789.121.844.195

2. Phí nhượng tái bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	2.240.217.554.853	1.414.550.062.963
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	1.342.336.009.441	775.254.764.813
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	313.852.473.152	281.177.407.677
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	43.217.191.876	31.025.028.980
Bảo hiểm hàng không	18.858.583.399	-
Bảo hiểm xe cơ giới	276.452.482.639	174.734.097.270
Bảo hiểm cháy, nổ	190.298.044.175	89.856.489.621
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	43.162.422.467	45.424.238.034
Bảo hiểm trách nhiệm chung	11.874.568.872	16.825.574.340
Bảo hiểm nông nghiệp	165.778.832	252.462.228
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(641.270.963.869)	(206.494.601.223)
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.598.946.590.984	1.208.055.461.740

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Tổng chi bồi thường bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng chi bồi thường	2.038.496.004.596	1.702.802.760.540
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	543.955.371.932	419.586.613.165
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	140.185.338.703	119.591.293.977
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	66.775.747.977	75.089.193.095
Bảo hiểm hàng không	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	1.107.784.850.674	966.381.852.150
Bảo hiểm cháy, nổ	64.052.917.010	63.025.139.645
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	131.131.225.688	33.729.663.305
Bảo hiểm trách nhiệm chung	14.599.257.687	25.399.005.203
Bảo hiểm nông nghiệp	11.294.925	-
Sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn	(30.000.000.000)	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(589.960.692.386)	(422.479.385.543)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	264.927.185.800	90.787.511.067
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(262.220.317.806)	(43.684.603.141)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	<u>1.451.242.180.204</u>	<u>1.327.426.282.923</u>

4. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi hoa hồng bảo hiểm	514.028.551.706	400.384.268.787
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	494.872.249.974	311.250.656.722
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	21.742.060.944	22.081.973.622
Chi các quỹ bảo hiểm	18.427.965.051	10.807.755.220
Chi phí khác	1.099.223.015.122	685.102.091.857
Cộng	<u>2.148.293.842.797</u>	<u>1.429.626.746.208</u>

5. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê bất động sản đầu tư	14.119.395.850	6.957.098.394
Bán bất động sản đầu tư	16.737.188.363	-
Cộng	<u>30.856.584.213</u>	<u>6.957.098.394</u>

6. Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.058.473.323	3.662.574.903
Bán bất động sản đầu tư	9.032.504.055	-
Cộng	<u>14.090.977.378</u>	<u>3.662.574.903</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	120.219.220.232	108.952.107.742
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	386.242.817	241.451.630
Lãi đầu tư dài hạn	24.823.430.422	1.533.479.793
Lãi kinh doanh chứng khoán	21.044.283.702	52.134.466.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.701.642.838	7.097.808.479
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.532.181.714	4.201.227.639
Các khoản khác	905.556	1.572.409.434
Cộng	188.707.907.282	175.732.951.411

8. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.233.306.808	8.832.258.512
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.593.641.538	8.642.768.303
Lỗ kinh doanh chứng khoán	48.672.124.529	36.273.755.894
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư tài chính	48.806.701.690	82.869.773.174
Chi phí khác	22.319.275.856	24.430.444.982
Cộng	131.625.050.421	161.049.000.865

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	302.544.993.898	290.137.206.782
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.030.613.138	22.532.370.507
Chi phí dụng cụ quản lý	10.459.874.443	9.445.687.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.294.204.281	14.402.276.361
Thuế, phí và lệ phí	25.299.920.908	23.740.905.711
Chi phí dự phòng	(1.718.477.399)	(5.805.264.095)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.204.519.682	90.313.050.655
Chi phí khác bằng tiền	146.932.016.431	140.919.092.352
Cộng	616.047.665.382	585.685.326.149

10. Lãi trên cổ phiếu

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng mà trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính tổng hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	12.264.433.350	10.486.968.920
Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	767.382.976	1.384.827.359
Cộng	13.031.816.326	11.871.796.279

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Bảo hiểm DB	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Bảo hiểm DB		
Phí nhượng tái bảo hiểm	10.445.927.652	6.889.637.398
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.415.580.103	2.408.405.245
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	730.587.676	584.750.330
Chia cổ tức	24.000.000.000	36.000.000.000
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
Chia cổ tức	14.580.518.400	21.870.777.600
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect		
Chia cổ tức	10.572.844.000	18.019.266.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA		
Chuyển tiền Ủy thác đầu tư	-	17.913.442.872
Thu tiền Ủy thác đầu tư	5.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải thu cổ tức	-	990.773.316
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu ủy thác đầu tư dài hạn	8.000.000.000	42.910.347.222
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu lãi ủy thác	-	2.900.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện - phải thu cổ tức	2.292.000.000	2.792.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam - Phải thu ủy thác đầu tư ngắn hạn	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam - phải thu cổ tức	8.398.333.000	6.427.999.657
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA - Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	12.913.442.872	17.913.442.872
Cộng nợ phải thu	31.903.775.872	76.434.563.067
Công ty Bảo hiểm DB - phải trả tái bảo hiểm	1.690.262.049	1.325.806.770
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải trả tái bảo hiểm	3.701.292.292	1.038.201.296
Cộng nợ phải trả	5.391.554.341	2.364.008.066

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tổng Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tổng Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.595.429.206	-	117.595.429.206
Chứng khoán kinh doanh	159.994.380.350	354.701.122.868	514.695.503.218
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.213.951.927.033	8.000.000.000	3.221.951.927.033
Phải thu khách hàng	572.067.091.655	36.249.234.081	608.316.325.735
Các khoản phải thu khác	275.197.072.004	14.822.013.484	290.019.085.488
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39.423.442.872	69.863.299.985	109.286.742.857
Cộng	4.378.229.343.120	483.635.670.418	4.861.865.013.537
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.447.618.654	-	122.447.618.654
Chứng khoán kinh doanh	118.845.790.186	480.662.878.632	599.508.668.818
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.679.692.977.653	39.904.016.282	2.719.596.993.935
Phải thu khách hàng	540.132.640.419	-	540.132.640.419
Các khoản phải thu khác	181.996.255.324	19.764.048.988	201.760.304.312
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	173.672.855.557	40.000.000.000	213.672.855.557
Cộng	3.816.788.137.793	580.330.943.902	4.397.119.081.695

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	526.856.363.235	-	-	526.856.363.235
Vay và nợ	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	84.684.163.478	1.320.665.586	-	86.004.829.064
Cộng	611.540.526.713	1.320.665.586	-	612.861.192.299
Số đầu năm				
Phải trả người bán	502.351.802.968	-	-	502.351.802.968
Vay và nợ	120.860.329.602	-	-	120.860.329.602
Các khoản phải trả khác	102.003.957.882	1.501.442.386	-	103.505.400.268
Cộng	725.216.090.452	1.501.442.386	-	726.717.532.838

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty là không đáng kể.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.213.951.927.033	2.679.692.977.653
Vay và nợ	-	(120.860.329.602)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	3.213.951.927.033	2.558.832.648.051

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 51.423.230.833 VND (năm trước tăng/giảm 40.941.322.369 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng giảm xuống của khoản vay có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán niêm yết Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 8.235.128.051 VND (năm trước tăng/giảm 9.592.138.701 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay giảm so với năm trước do năm nay Tổng Công ty giảm đầu tư vào các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết.

3d. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.595.429.206	-	122.447.618.654	-
Chứng khoán kinh doanh	514.695.503.218	(137.506.487.068)	599.508.668.818	(76.375.920.784)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.221.951.927.033	(7.344.000.000)	2.719.596.993.935	(32.520.375.649)
Phải thu khách hàng	608.316.325.735	(30.390.116.487)	540.132.640.419	(38.312.617.820)
Các khoản phải thu khác	290.019.085.488	(14.822.013.484)	201.760.304.312	(19.764.048.988)
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	109.286.742.857	(40.398.571.184)	213.672.855.557	(51.102.880.881)
Cộng	4.861.865.013.537	(230.461.188.223)	4.397.119.081.695	(218.075.844.122)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	526.856.363.235	502.351.802.968
Vay và nợ	-	120.860.329.602
Các khoản phải trả khác	86.004.829.064	103.505.400.268
Cộng	86.004.829.064	726.717.532.838

Giá trị hợp lý

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	87,48	83,19
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	12,52	16,81
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	75,47	70,17
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	24,53	29,83
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,33	1,43
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,16	1,19
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,03
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	714,24	676,96
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,10	0,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,56	0,54
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,77	0,40
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,46	0,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5,97	1,02

6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tổng Công ty và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Phụ lục đính kèm (trang 58 – 59) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 13 tháng 03 năm 2020, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.980.000 cổ phần tương 99% vốn điều lệ thực góp, giá khởi điểm căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, Ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

PHỤ LỤC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1.848.864.086.135	1.804.294.566.935
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	7.536.593.274.453	6.047.780.912.186
2. Nợ phải trả	5.687.729.188.318	4.243.486.345.251
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	422.024.444.808	413.945.128.414
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	66.380.625.606	71.027.348.703
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	20.152.200.000	20.152.200.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	45.663.026.341	49.781.003.926
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	565.399.265	1.094.144.777
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	355.643.819.202	342.917.779.711
2.1 Các Tài sản đầu tư	127.891.739.133	145.450.640.447
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	6.000.000.000	6.000.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	35.419.320.680	89.732.394.058
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	39.406.988.084	6.526.000.000
d) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	407.744.544	967.325.626
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	20.140.387.716	16.124.946.000
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	26.517.298.110	26.099.974.762
2.2 Các khoản phải thu	1.044.728.116	1.598.755.493
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	528.144.770	361.013.311
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	516.583.346	1.237.742.183

2.3	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	22.195.334.153	19.406.661.248
2.4	Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	204.512.017.800	176.461.722.524
III.	Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.426.839.641.327	1.390.349.438.521
IV.	Biên khả năng thanh toán tối thiểu 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	890.357.441.465	717.821.154.625
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)			
Chênh lệch theo số tuyệt đối		536.482.199.862	672.528.283.896
Chênh lệch theo tỷ lệ %		160%	194%

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

